

HÔN NHÂN HỖN HỢP DÂN TỘC CỦA NGƯỜI GIÁY Ở XÃ BẢN QUA, HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI¹

ThS. Phạm Thị Hà Xuyên

Viện Dân tộc học

Email: phamhaxuyen90@gmail.com

Tóm tắt: Hôn nhân hỗn hợp dân tộc ở người Giáy là một hiện tượng có tính lịch sử, thể hiện sự thay đổi trong quan niệm truyền thống của tộc người, đồng thời đặt ra một số vấn đề đối với phát triển xã hội hiện nay. Bài viết trên cơ sở phân tích từ truyền thống đến hiện trạng hôn nhân của người Giáy ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, sẽ chỉ ra quá trình thay đổi nhận thức từ nguyên tắc hôn nhân đồng tộc và hôn nhân sắp đặt trong truyền thống đến hôn nhân mang tính tự nguyện và hỗn hợp dân tộc của đồng bào hiện nay. Từ đó nêu lên một số vấn đề đặt ra, đề xuất giải pháp cho việc xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và tính cố kết tộc người trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Từ khóa: Hôn nhân, hôn nhân hỗn hợp, người Giáy, Bản Qua, Bát Xát, Lào Cai.

Abstract: Inter-ethnic marriages among the Giay people is a historical phenomenon which represents a change in the traditional conception of ethnic minorities and poses several problems for current social development. Based on the analysis of tradition to the current status of Giay people's marriages in Ban Qua commune, Bat Xat district, Lao Cai province, the article shows the change in awareness of the principle of co-ethnic and arranged marriages to inter-ethnic ones conducted based on love. From there, some issues are raised, and solutions are proposed for developing policies to preserve and promote ethnic culture and cohesion in the current context of industrialisation and modernisation.

Keywords: Marriage, inter-ethnic marriage, Giay people, Ban Qua, Bat Xat, Lao Cai.

Ngày nhận bài: 2/7/2022; ngày gửi phản biện: 6/7/2022; ngày duyệt đăng: 7/8/2022.

Mở đầu

“Hôn nhân là sự hợp nhất được công nhận về mặt văn hóa và pháp luật giữa người nam và người nữ, đó là sự kết hợp để tạo nên mối quan hệ giữa vợ và chồng về tình cảm, xã hội, tôn giáo, phong tục tập quán... Hôn nhân tạo ra mối quan hệ gắn liền với nhân thân của họ và sẽ làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ nhất định cho các bên” (Haviland và cộng sự,

¹ Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Gia đình của người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Hoàng Phương Mai làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

2011). Định nghĩa về hôn nhân có sự khác biệt trên thế giới, không chỉ giữa các nền văn hóa, giữa các tôn giáo, giữa các tộc người mà còn trong suốt lịch sử, phụ thuộc vào quan điểm về vấn đề này của các nhà nghiên cứu. Do địa bàn sinh sống và phong tục tập quán truyền thống, hôn nhân của các dân tộc thiểu số ở nước ta chủ yếu khép kín trong nội bộ tộc người với phạm vi kết hôn không cách xa nơi sinh sống. Tuy vậy, trong bối cảnh ngày nay, nhận thức của đồng bào đã thay đổi, đặc biệt là xu hướng mở rộng các mối quan hệ kinh tế - xã hội đã dẫn tới mở rộng sự lựa chọn trong hôn nhân.

Dân tộc Giáy cư trú ở Việt Nam từ khoảng thế kỷ XVII - XVIII đến nay, với nền văn hóa mang bản sắc độc đáo (Nông Trung, 2014, tr. 335). Người Giáy đã và đang bắt nhịp khá nhanh vào quá trình phát triển của đất nước trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, văn hóa. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mối quan hệ của người Giáy với các tộc người khác ngày càng mở rộng, tạo điều kiện hình thành nên các quan hệ hôn nhân hỗn hợp dân tộc và ngày càng trở thành xu hướng khá rõ rệt. Nghiên cứu về hôn nhân hỗn hợp dân tộc của người Giáy sẽ góp phần nhận diện bản chất của các yếu tố tác động trực tiếp đến quá trình tiếp biến văn hóa tộc người, những biến đổi về phong tục tập quán và sự giao lưu, tiếp nhận tri thức từ các tộc người khác. Mặt khác, nhận diện về hôn nhân hỗn hợp dân tộc còn giúp cho những khía cạnh nghiên cứu về đoàn kết dân tộc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung và khu vực sinh sống của người Giáy ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nói riêng.

Hôn nhân hỗn hợp (mixed marriage) mang ý nghĩa khá rộng, đó là hôn nhân được hình thành bởi cặp vợ chồng thuộc hai nhóm quốc tịch, dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo khác nhau. Bài viết này chỉ tập trung vào hôn hợp dân tộc của người Giáy với người dân tộc khác. Tư liệu bài viết được tổng hợp qua hai cuộc khảo sát thực địa vào tháng 4/2021 và tháng 4/2022 tại cộng đồng dân tộc Giáy thuộc xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; đồng thời tham khảo các số liệu thứ cấp thu thập được từ chính quyền địa phương. Các phương pháp được áp dụng chủ yếu là phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, điều tra phiếu hỏi 87 hộ gia đình người Giáy (trên tổng số 100 hộ được hỏi) tại hai thôn Coóc Cài và Bản Vền. Mẫu phỏng vấn sâu và phiếu điều tra có sự phong phú về độ tuổi, nghề nghiệp, mức sống, trình độ học vấn; đối tượng nghiên cứu hộ gia đình đa dạng về loại hình để phân tích sự biến đổi hôn nhân của người Giáy một cách xác thực và hiệu quả.

Tại xã Bản Qua, chúng tôi lựa chọn hai thôn Cóc Cài và Bản Vền đều có lịch sử lâu đời và tập trung đông người Giáy để nghiên cứu về hôn nhân, gia đình của họ. Thời điểm nghiên cứu được bắt đầu từ cuối tháng 4/2021, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 xuất hiện và lan rộng ở nhiều tỉnh thành của Việt Nam, gây ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của người dân, trong đó có hôn nhân và gia đình.

1. Giới thiệu về tộc người và địa bàn nghiên cứu

Khoảng 300 năm về trước, dân tộc Giáy di cư từ Trung Quốc đến Việt Nam, nơi họ đặt chân đầu tiên là vùng Tây Bắc và định cư tại Nghĩa Lộ, rồi một bộ phận đi sang miền thượng

Lào (Nông Trung, 2014, tr. 335). Đến nay, người Giáy cư trú ở 39 tỉnh thành của Việt Nam, gồm 67.858 người, chiếm 0,07% dân số cả nước; song tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái. Tại tỉnh Lào Cai, địa bàn sinh sống của người Giáy chủ yếu ở vùng núi thấp, thường là những nơi có khu ruộng rộng lớn do đồng bào tự khai phá (Lò Ngân Sủn, 1998, tr. 5). Ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, người Giáy sống tập trung ở các xã Bản Vược, Bản Qua, Mường Vi, Mường Hum, Quang Kim, Cốc San, Bản Xèo, với số dân khoảng trên 4.400 người. Tại xã Bản Qua, người Giáy là một trong ba tộc người có dân số đông, với 3.224 nhân khẩu, tiếp đến là Dao, Kinh và một số dân tộc khác (UBND huyện Bát Xát, 2021).

Xã Bản Qua nằm ở phía Đông huyện Bát Xát, cách thành phố Lào Cai khoảng 10 km; phía Tây giáp các xã Bản Vược, Mường Vi, Pa Cheo; phía Nam giáp hai xã Phìn Ngạn, Quang Kim; phía Bắc giáp Trung Quốc. Bản Qua có đường biên giới với Trung Quốc dài 6,7 km (Sông Hồng là ranh giới tự nhiên). Từ năm 2020, một số thôn ở Bản Qua đã sáp nhập vào thị trấn Bát Xát dẫn đến diện tích đất nông nghiệp của xã bị thu hẹp dần. Bản Qua là nơi sinh sống của nhiều tộc người gồm Giáy (42,3%), Dao (34,1%), Kinh (16%) và các dân tộc khác (7,6%) gồm Hmông, Tày, Khơ-mú, Sán Chay, Hà Nhì, Thái...; với sinh kế chính là sản xuất nông - lâm nghiệp và làm thuê xuyên biên giới (UBND huyện Bát Xát, 2021). Quá trình cư trú xen cài, hỗn hợp dân tộc đã tạo ra những biến đổi trong xã hội các tộc người nơi đây, mở ra những cơ hội giao lưu, tiếp biến văn hóa, đặc biệt là đã hình thành các quan hệ hôn nhân hỗn hợp tộc người. Qua đó, tạo nên những gia đình hỗn hợp dân tộc mang nhiều nét văn hóa đặc sắc, nhưng cũng nảy sinh không ít thách thức trong quá trình sinh sống, thích nghi cùng một gia đình và cộng đồng các dân tộc.

2. Hôn nhân của người Giáy trong truyền thống

Ở người Giáy, chế độ hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ rất lâu. Đây là biểu hiện của nhận thức về hôn nhân đã ở trình độ cao phù hợp với sự phát triển của xã hội. Song, ở thời kỳ trước, hôn nhân, gia đình gắn liền với ý thức về mối quan hệ cộng đồng, làng bản, thể hiện xu hướng sống tách biệt, co cụm nhằm bảo vệ cộng đồng khỏi sự xâm lăng của các tộc người khác. Vì thế, để củng cố địa vị, dân số và bảo vệ lãnh thổ tộc người, vị trí cá nhân nhường chỗ cho lợi ích tập thể; do đó trong hôn nhân việc kết hôn với ai, cá nhân phải nghe theo sự sắp xếp của gia đình và quy tắc hôn nhân của dân tộc. Vì thế, đặc điểm hôn nhân của người Giáy trước đây là hôn nhân sắp đặt và nội hôn tộc người, nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc ngoại hôn dòng họ nhằm tránh hôn nhân cận huyết.

Trước kia, đa phần hôn nhân mang yếu tố sắp đặt nên nhiều cặp vợ chồng đến ngày cưới mới biết mặt nhau. "*Trước năm 1975, người Giáy chủ yếu kết hôn với người đồng tộc và được cha mẹ sắp xếp hoặc do mai mối. Ngay chính cả hôn nhân của tôi cũng là hôn nhân đồng tộc và do mai mối mà thành. Giống như nhiều cặp đôi cùng thời đó, chỉ đến khi tổ chức đám cưới tôi mới biết mặt vợ*" (PVS. ông Hoàng Văn H., sinh năm 1963, thôn Bản Vền). Mặc dù không được tự do yêu đương, tìm hiểu nhau trước hôn nhân nhưng việc ly hôn trong cộng đồng tộc người này hiếm khi xảy ra. Do tính chất mai mối, nên việc tự do yêu đương hay có thai trước khi cưới cũng rất hiếm. Nếu có trường hợp không chồng mà có thai thì gia

đình của người con gái ấy bị xem là không dạy con nên người. Vì thế, dù được nhà trai tổ chức lễ cưới, gia đình nhà gái vẫn phải làm lễ quỳ lạy các cao niên hai họ để xin lỗi và phải có một con lợn khoảng 40 - 50kg để làm cỗ mời cả làng.

Có thể nói, nội hôn tộc người là biểu thị cho ý thức bảo vệ lực lượng sản xuất và tư liệu sản xuất cho gia đình nói riêng và cộng đồng tộc người nói chung. Kết hôn đồng tộc là cách khiến cho lực lượng sản xuất trở nên vững mạnh, vì khi có thêm thành viên mới, nhân tố này sẽ góp thêm sức lực vào hoạt động sản xuất của gia đình và đảm bảo tài sản được gìn giữ, truyền lại cho chính mình, không bị mất ra bên ngoài cho tộc người khác. Với đặc điểm gia đình phụ quyền, của cải và đất đai hầu hết được chia cho các con trai, thì nội hôn tộc người góp phần lý giải hợp lý về việc tại sao các con trai - nhân lực lao động chính ở lại trong cộng đồng, trong khi con gái chỉ nhận một phần hồi môn ít ỏi sau khi được gả chồng. Vì thế, hôn nhân đồng tộc ở người Giáy được ưa thích hơn. *“Người Giáy có tập tục chia đất cho con trai gồm đất ở và đất ruộng để làm nhà và trồng trọt sau khi các con lập gia đình. Người nào chịu trách nhiệm chăm sóc bố mẹ thì được chia nhiều đất hơn”* (Hoàng Văn H., sinh năm 1963, thôn Bản Vền). Quan niệm và cách phân chia của cải này vẫn tồn tại đến ngày nay. Các gia đình, nếu điều kiện kinh tế khá giả có thể chia đất cho con gái làm đất ở, với điều kiện người con gái ấy phải lấy chồng ở gần nhà.

Ngoài việc bảo lưu các giá trị vật chất, nội hôn tộc người còn để gìn giữ và bảo vệ toàn vẹn những giá trị tinh thần của tộc người. Xưa kia, quan niệm kết hôn đồng tộc nhằm tạo ra môi trường để văn hóa tộc người được lưu giữ và trao truyền cho thế hệ sau một cách hữu hiệu nhất. Lợi ích của kết hôn đồng tộc cũng bắt nguồn từ quan niệm đôi nam nữ và thành viên gia đình sau khi kết hôn sẽ chia sẻ những tương đồng về văn hóa, đặc biệt là nếp sống, sinh hoạt hàng ngày, các nghi lễ tâm linh như cưới xin, tang ma..., giúp cho việc giao tiếp, gắn kết giữa các thế hệ trong gia đình thuận lợi hơn. Do vậy, đến nay việc kết hôn đồng tộc vẫn là xu hướng phổ biến nhất ở dân tộc Giáy tại xã Bản Qua.

Trước đây, để chống lại những khắt khe của quy định trong việc kết hôn sắp đặt, thông qua lời ca tiếng hát, thanh niên nam nữ người Giáy đã thể hiện khát khao về tình yêu đôi lứa, về tự do hôn nhân, không ép buộc. Có đến một nửa số bài hát dân ca truyền thống của người Giáy là lời đối thoại về tình yêu đôi lứa (Lò Văn Chiến, 2015, tr. 180-183). Song, vì lợi ích gia đình, cộng đồng được đặt lên trên tình cảm cá nhân nên hôn nhân tuy là sự kết hợp để chung sống dài lâu của hai bên nam nữ nhưng lại được quyết định bởi cha mẹ hai bên. Yếu tố “tự do yêu đương, lựa chọn bạn đời” ở tộc người Giáy trước đây hầu như không được quan tâm. Nếu cho rằng “Hôn nhân là sự tác hợp giữa một người nam và một người nữ bởi tập quán xã hội hoặc luật pháp” (Đỗ Đức Lợi, 2008, tr. 204) thì hôn nhân của người Giáy thời kỳ trước được quyết định bởi văn hóa tộc người và gắn chặt với luật tục. Giống như một số tộc người láng giềng, quan niệm hôn nhân của người Giáy còn là sự nối dòng, nối dõi. Vì thế, họ rất quan tâm đến phẩm chất người con gái và gia phong của gia đình nhà gái mà không mấy đặt nặng vấn đề kinh tế. Ngược lại, việc lựa chọn rể, để con gái được gả vào một

gia đình tử tế, hoàn cảnh kinh tế nhà trai cũng được gia đình nhà gái xem xét. Những quan niệm về hợp tuổi, xem tuổi kết hôn cũng khá quan trọng trong việc lựa chọn bạn đời.

3. Hôn nhân của người Giáy ở Bản Qua hiện nay

3.1. Hôn nhân tự nguyện, hôn nhân hỗn hợp dân tộc thay thế cho hôn nhân sắp đặt

Người Giáy di cư vào nước ta thành nhiều đợt, theo từng nhóm gia đình, từ nhiều địa bàn của Trung Quốc sang. Khi họ đến Bản Lầu, tỉnh Lào Cai thì đã có rải rác người Hoa, người Tày sinh sống. Điều này chứng tỏ việc sống xen cài của người Giáy ở Lào Cai đã bắt đầu khi họ đặt chân đến Việt Nam (Nông Trung, 2014, tr. 335). Tại những nơi sống xen cài, người Giáy hoặc giữ được phong tục của dân tộc mình, nhưng sử dụng ngôn ngữ khác, hoặc giữ được ngôn ngữ dân tộc Giáy nhưng tiếp thu tập quán sinh hoạt của dân tộc khác. Đây là quá trình thống nhất các nhóm người có cùng nguồn gốc lịch sử, ngôn ngữ và một số đặc điểm văn hóa (Đỗ Đức Lợi, 2008, tr. 12-15).

Đặc biệt, từ những năm 60 thế kỷ 20, phong trào xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp diễn ra ở Bản Qua nói riêng và trên cả nước nói chung đã tạo cơ hội cho các dân tộc học hỏi kinh nghiệm sản xuất, cũng như các yếu tố văn hóa như nhà ở, trang phục, ẩm thực,... Thêm vào đó, việc thực hiện Nghị quyết số 38-CP ngày 12/3/1968 của Hội đồng Chính phủ về định canh định cư và các chính sách dân tộc của Nhà nước đã đem lại những thành tựu to lớn. Qua đó, trình độ và nhận thức người dân nói chung, dân tộc Giáy ở xã Bản Qua nói riêng đã tăng lên đáng kể do tiếp cận phương thức sản xuất mới, đặc biệt là họ có điều kiện giao lưu ngày càng nhiều hơn với văn hóa của người Kinh và các dân tộc anh em. Đây là điều kiện quan trọng dẫn đến lối sống của các dân tộc, bao gồm người Giáy ở xã Bản Qua trở nên cởi mở hơn, hình thành những mối quan hệ với các tộc người khác. Các mối quan hệ này tác động ngày càng mạnh mẽ tới tập quán hôn nhân của các dân tộc, khiến nhiều tộc người, trong đó có người Giáy đã chuyển dần từ hôn nhân sắp đặt và nội hôn tộc người sang tự do yêu đương và kết hôn với người dân tộc khác được chấp thuận, lan rộng trong cộng đồng. Một số nghiên cứu của Đỗ Đức Lợi (2008), Lục Mạnh Hùng (2013) đều chỉ ra rằng, ở người Giáy, hôn nhân khác tộc đã xảy ra từ những năm 60 - 70 của thế kỷ 20. *“Từ những năm 60 thế kỷ trước, người Giáy bắt đầu kết hôn với nhiều dân tộc, mà trước hết là các dân tộc cư trú cùng địa bàn. Người Giáy ở đây chủ yếu kết hôn với người Dao, kể đến là người Kinh, Tày, Nùng, Thái... do sinh sống gần gũi với nhau. Sở dĩ người Giáy kết hôn với người Dao nhiều hơn vì làng người Dao ở rất gần, chỉ tính là làng trên và làng dưới, việc gặp gỡ, trao đổi giữa đôi bên nam nữ thuận tiện hơn”* (PVS. ông Vui A Ch., sinh năm 1970, thôn Bản Vền).

Hôn nhân hỗn hợp dân tộc là quá trình tất yếu của sự phát triển xã hội, cha mẹ không còn nhất mực “đặt đầu con ngồi đây” mà đã quan tâm nhiều hơn đến tâm tình, mong muốn của con cái, chỉ cần đôi trẻ yêu thương nhau. Đây là bước biến đổi trong hôn nhân ở người Giáy, từ hôn nhân sắp đặt và nội tộc người sang hôn nhân dựa trên cơ sở tự do tìm kiếm bạn đời và tự nguyện kết hôn. Ở đó, gia đình dường như không còn là nơi chỉ có “tôn ti trật tự” và những tập tục không thể phá bỏ, mà ngược lại, dần trở thành nơi để các thành viên chia sẻ

với nhau để cùng xóa bỏ những định kiến tộc người, khuyến khích phát triển ý thức cá nhân trong cộng đồng. Đó cũng là dấu hiệu của “tính hiện đại” trong gia đình, thể hiện bởi sự nảy nở của tình cảm lứa đôi và đời sống riêng tư. Tư liệu điền dã ở xã Bản Qua cho thấy, đa phần các cao niên khi được hỏi đều cho rằng hiện nay quan niệm của các bậc “phụ huynh” người Giáy về việc con cháu mình kết hôn với người dân tộc khác đã thực sự thay đổi. Họ nhận thức rõ ràng rằng khi xã hội đã phát triển thì việc kết hôn với người dân tộc nào, người đó ở đâu... không quan trọng mà chỉ cần đôi trẻ yêu thương nhau là được. Cho dù hiện vẫn còn một bộ phận nhỏ cha mẹ người Giáy mong muốn con cái lấy người đồng tộc, nhưng con cái họ đã biết “cãi lời” để tự quyết cho hạnh phúc riêng (PVS. bà Vàng Thị M., sinh năm 1967, thôn Coóc Còi). Không chỉ người Giáy, hầu hết các dân tộc sinh sống ở Bản Qua đều có xu hướng hôn nhân hỗn hợp dân tộc, thể hiện tính “cởi mở” trong quan niệm hôn nhân ngoại tộc người, gia tăng sự hòa hợp các tộc người trên địa bàn xã (PVS. ông Hoàng Văn H., sinh năm 1963, thôn Bản Vền).

Hôn nhân hỗn hợp dân tộc ở người Giáy diễn ra đa dạng, từ dân tộc, địa bàn sinh sống, trình độ học vấn, đến lý do gặp gỡ. Có gia đình, những yếu tố này đều cùng xảy ra, tiêu biểu như gia đình anh Lò A Tr., sinh năm 1986, thôn Bản Vền. Anh Tr. có ba chị em thì một chị lấy chồng người Kinh ở Hưng Yên, đã về quê chồng sinh sống; một chị lấy chồng người Tày ở xã Bản Vược cùng huyện; em trai lấy vợ người Dao ở xã Trịnh Tường, cả hai là bạn học thời cấp 3 và hiện đều là cán bộ huyện. Bản thân anh Tr. chưa kết hôn, đang ở với mẹ và vợ chồng em trai. Ngoài ra, kết quả điều tra phiếu hỏi 87 hộ gia đình người Giáy tại xã Bản Qua cũng cho thấy sự thay đổi trong quan điểm của tộc người này về kết hôn với các dân tộc khác như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Quan điểm về việc con cháu kết hôn với người dân tộc khác

STT	Ý kiến	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Không muốn con cháu kết hôn với dân tộc khác	1	1,15
2	Cũng được, miễn là theo phong tục tập quán của người Giáy	6	6,90
3	Thích cùng dân tộc Giáy hơn, nhưng cũng không phản đối	26	29,89
4	Dân tộc nào cũng được	52	59,77
5	Không có ý kiến, không bày tỏ quan điểm	2	2,29
	Tổng	87	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 4 năm 2022.

Qua bảng 1 cho thấy, đa số người Giáy được hỏi cho rằng, việc kết hôn với dân tộc khác là chuyện “bình thường”, không trái với luật tục như trước kia. Những cặp hôn nhân hỗn hợp chủ hộ là người Giáy khi mới cưới vẫn thường sống chung nhà với bố mẹ chồng; mọi nếp sống, sinh hoạt trong gia đình vẫn thực hiện theo văn hóa người Giáy; các cô con dâu sẽ được học những phong tục nhà chồng trong sinh hoạt hàng ngày. Vì thế, văn hóa tộc người cũng được trao truyền và tiếp nối.

Việc tham gia vào các trường nội trú, trung học cơ sở, trường đào tạo nghề, đi làm ăn xa, mạng thông tin truyền thông... cũng tạo điều kiện cho nam nữ các tộc người gặp gỡ, tìm hiểu và kết hôn một cách tự nguyện, chủ động hơn. Theo ý kiến của chị Lò Thị H., sinh năm 1993, người Giáy ở thôn Coóc Cài, sự phát triển công nghệ thông tin và các nền tảng mạng xã hội như Zalo, Facebook cũng mở ra môi trường tương tác gián tiếp cho các cặp đôi. “*Thanh niên nam nữ hiện nay làm quen, kết thân rất nhanh, họ hầu như không còn nghĩ đến những trở ngại khi kết hôn với người dân tộc khác. Bây giờ không còn cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy mà có khi cha mẹ phải nghe theo quyết định của con. Người Giáy hiện có quan niệm đã khác xưa, những luật tục không còn phù hợp với sự phát triển của dân tộc thì nên xóa bỏ*” (PVS. anh Hồ L., sinh năm 1991, cán bộ người Giáy xã Bản Qua). Qua điều tra 87 hộ gia đình người Giáy ở hai thôn Coóc Cài, Bản Vền cho thấy, có 37/100 số hộ được hỏi là gia đình thuần nhất dân tộc - các cuộc hôn nhân đều là đồng tộc người Giáy, số còn lại là gia đình có hôn nhân hỗn hợp giữa dân tộc Giáy với các dân tộc khác với số lượng như sau (xem Bảng 2):

Bảng 2: Thống kê số hộ gia đình có hôn nhân hỗn hợp dân tộc và hôn nhân đồng tộc tại hai thôn Coóc Cài và Bản Vền

STT	Dân tộc	Số hộ gia đình
1	Giáy - Hoa	2
2	Giáy - Mường	2
3	Giáy - Hà Nhì	3
4	Giáy - Hmông	3
5	Giáy - Thái	4
6	Giáy - Tày	7
7	Giáy - Dao	13
8	Giáy - Kinh	16
9	Giáy - Giáy	37
	Tổng	87

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 4 năm 2022

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, số hộ gia đình có người Giáy kết hôn với người Kinh là nhiều nhất (16 hộ), được giải thích là do quá trình đi làm ăn xa, đi học tập và giao lưu kết bạn với dân tộc này nhiều hơn cả. Hôn nhân hỗn hợp giữa người Giáy với người Dao (13 hộ) có xu hướng tăng bởi người Dao sống liền kề từ lâu đời, tuy khác biệt về phong tục nhưng

họ đã có những giao lưu, kết nối về kinh tế, văn hóa trên địa bàn nên hiếm khi xảy ra những xung đột khi lựa chọn làm đối tượng kết hôn. Thậm chí hai dân tộc này còn hiểu và nói được ngôn ngữ của nhau, am hiểu về phong tục và những kiêng kỵ trong đời sống của nhau. Việc kết hôn đa dạng với nhiều tộc người là một minh chứng rõ nét cho việc lựa chọn đối tượng kết hôn ở người Giáy đã khá mở rộng.

Nghiên cứu thực tế cũng chỉ ra, ở gia đình người Giáy chế độ phụ quyền và phân chia tài sản cho con trai vẫn thực hiện nghiêm túc. Sau khi kết hôn, các con trai được chia đất ở và đất sản xuất. Các con có thể sống cùng cha mẹ hoặc tách ra ở riêng. Điều đó có nghĩa người Giáy vẫn tuân thủ việc lấy vợ và cư trú theo bên chồng, nhằm đảm bảo sự kế thừa tài sản cho thế hệ sau. Vì thế, việc kết hôn với phụ nữ dân tộc khác có lẽ cũng không ảnh hưởng đến việc bảo toàn tài sản kế thừa này. Riêng phụ nữ Giáy, những người không thuộc nhóm kế thừa, tự do hôn nhân mở ra nhiều cơ hội hơn để họ lựa chọn người bạn đời phù hợp mà không bị trói buộc bởi những lễ giáo và quan niệm nội hôn tộc người.

Ở nhiều dân tộc, bao gồm người Giáy ở Bản Qua, xu hướng ra ở riêng sau hôn nhân ngày càng tăng, con cái không buộc phải sống chung với cha mẹ như trước đây. Nhiều gia đình có điều kiện còn cho con tiền để mua đất, làm nhà riêng, với mong muốn các con có cuộc sống sinh hoạt thoải mái. Đây cũng là sự cởi mở trong ý thức về quan niệm “làm dâu” ở dân tộc này. Đặc biệt, khi cơ cấu lao động việc làm thay đổi, số đông thanh niên bỏ nông nghiệp để làm việc khác thì lý do tăng nhân lực sản xuất không còn là mục tiêu của các cuộc hôn nhân. Kể cả ở nhóm “không được thừa kế”, việc kết hôn với người dân tộc khác mà không chuyển cư, vẫn sống gần cha mẹ có thể được chia tư liệu sản xuất. Chị Lù Thị P., sinh năm 1981, người Giáy thôn Bản Vền là một minh chứng: chị lấy chồng người Kinh từ nơi khác đến xã Bản Qua làm ăn, do sau khi kết hôn không chuyển về quê chồng mà vẫn sống gần cha mẹ nên vợ chồng chị được bố mẹ vợ cho đất làm nhà. Tuy không phải là trường hợp phổ biến nhưng đây cũng là một trong những minh chứng cho sự thay đổi nhận thức về quyền thừa kế của người Giáy hiện nay.

3.2. Tiêu chuẩn và đối tượng lựa chọn bạn đời

Nếu hôn nhân là cách xác lập vị trí xã hội của người mà họ kết hôn thì việc đặt ra những tiêu chuẩn cho người bạn đời càng trở nên quan trọng. Với thanh niên người Giáy, những năm gần đây để lựa chọn bạn đời họ thường dựa vào một số tiêu chuẩn, đặc biệt ưu tiên khi bạn đời khác dân tộc đáp ứng các yêu cầu như: cùng trình độ học vấn, có điều kiện kinh tế, biết làm ăn, không mắc các tệ nạn xã hội (cờ bạc, nghiện hút). Một trong những tiêu chuẩn được đặt lên hàng đầu là trình độ học vấn, bởi trong một cộng đồng tộc người, nếu đa số cá nhân có học vấn thấp thì một số người có học vấn cao hơn sẽ gặp khó khăn khi tìm kiếm người phối ngẫu. Vì thế, nhóm này có xu hướng tìm kiếm đối tượng kết hôn bên ngoài tộc người để phù hợp với tiêu chuẩn và điều kiện của họ.

Những năm gần đây, giáo dục ở huyện Bát Xát cũng như xã Bản Qua được Nhà nước quan tâm. Các trường học đạt chuẩn quốc gia được xây dựng, một số trung tâm đào tạo việc làm được mở ra nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo lao động việc làm tại xã, tạo cơ hội cho các nguồn lực dân tộc thiểu số tại chỗ được học tập, nâng cao trình độ. Theo kế hoạch đào tạo lao động có bằng cấp, chứng chỉ năm 2022 của UBND huyện Bát Xát, xã Bản Qua có tổng số 109 người được cấp chứng chỉ, trong đó có 9 người đã theo học hệ cao đẳng, 35 người đã theo học hệ trung cấp, 65 người đã theo học sơ cấp và đào tạo thường xuyên. Đây là đội ngũ lao động việc làm có trình độ và tay nghề. Trên địa bàn xã có đến 89% thanh niên tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương. Việc đào tạo nguồn lao động việc làm có tri thức này không chỉ hình thành môi trường để kết nối những người có cùng xu hướng nghề nghiệp và trình độ học vấn với nhau, mà còn tạo ra nhiều cơ hội giao lưu, tiếp xúc giữa các tộc người, đặc biệt là đội ngũ thanh thiếu niên tại địa bàn, xây dựng thêm các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là tự do tìm hiểu, kết hôn.

Sự phát triển về giáo dục đã góp phần tạo vị thế xã hội cho các dân tộc thiểu số, nâng cao nhận thức của họ trong lựa chọn những điều tốt hơn cho bản thân, nhất là thay đổi quan niệm và tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời. Người Giáy ở xã Bản Qua có xu hướng kết hôn nhiều hơn với người Kinh và Dao; hai dân tộc này có số lượng người đạt trình độ văn hóa tương đối cao hơn so với các tộc người khác tại địa bàn. Bên cạnh đó, người Kinh và Dao cũng là hai tộc người có sự năng động trong học tập, tiếp thu cái mới, có thể tạo dựng cuộc sống vững vàng về kinh tế sau hôn nhân. *“Hiện nay, không chỉ con gái Giáy, con gái các dân tộc khác cũng đã thay đổi về lựa chọn đối tượng hẹn hò và kết hôn. Họ dường như đã đặt ra những tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời cao hơn trước đây. Vì thế, để hẹn hò với một cô gái người Giáy là không dễ dàng nếu người con trai không đáp ứng được các tiêu chuẩn của cô gái, đặc biệt là về trình độ học vấn hay sự chăm chỉ làm ăn. Vì vậy, dù đã 24 tuổi nhưng tôi chưa có bạn gái, hiện tại cũng chưa hẹn hò được với ai. Bây giờ con gái trong làng thích lấy chồng người Kinh vì họ biết làm ăn, lại có điều kiện kinh tế hơn”* (PVS. Lù A. L., sinh năm 1998, thôn Bản Vền).

Không chỉ thế, các dân tộc khác trên địa bàn cũng có xu hướng lựa chọn kết hôn với người Kinh, người Giáy nhiều hơn, vì hai tộc người này không chỉ có trình độ học vấn cao hơn mà còn biết làm ăn giỏi, nếu kết hôn với họ thì sẽ có cuộc sống kinh tế ổn định. So với một số thôn liền kề có người Giáy sinh sống, thôn Bản Vền và thôn Coóc Cài được đánh giá là khu vực có người Giáy khá hơn về kinh tế, trình độ học vấn. Họ có lối sống mẫu mực hơn so với các thôn người Giáy khác, ở hai thôn này cũng ít tệ nạn xã hội. Họ cũng quan niệm, con gái nên chọn chồng nhiều tuổi hơn vì trưởng thành hơn trong suy nghĩ và biết quan tâm đến gia đình nhiều hơn (PVS. Chảo Tả M., sinh năm 2000, người Dao xã Phìn Ngan lấy chồng dân tộc Giáy thôn Bản Vền).

Khác biệt trong văn hóa giữa các tộc người có thể là nguy cơ gây ra xung đột gia đình sau khi kết hôn, nhưng đó lại không phải rào cản cho tình yêu và lựa chọn bạn đời hiện nay. Quan điểm này nhận được sự đồng thuận của cả các cặp hôn nhân hỗn hợp và cả cha mẹ chồng người Giáy. Vì khi hôn nhân bắt nguồn từ tình yêu đôi lứa, những khác biệt về văn hóa tộc người dường như không được tính đến trong giai đoạn tìm hiểu nhau. Thực tế cho thấy, người Giáy khá dễ dàng dung hòa với văn hóa của các dân tộc khác, do bản tính tộc người hiền hòa, gần gũi và khả năng ngày càng mở rộng tiếp cận xã hội do đi làm ăn xa, học tập tại các thành phố và trung tâm tỉnh lỵ. Vì thế, trong hôn lễ tuy có khác biệt về tập tục cưới hỏi của đôi bên, nhưng lại dễ dàng vượt qua bởi sự “thỏa thuận” của hai bên gia đình và được đơn giản hóa, thậm chí thay đổi để dễ dàng hơn cho việc tác thành các cặp đôi hôn nhân khác dân tộc này. Qua tìm hiểu tại địa bàn cho thấy, các lễ nghi chính của lễ cưới người Giáy vẫn bảo lưu khá đầy đủ, những phần lễ nghi nào có thể lược bỏ, đôi bên gia đình sẽ thống nhất với nhau trước ngày cưới nhằm thực hiện cho phù hợp với phong tục của hai bên, sao cho lễ cưới diễn ra tốt đẹp. Ví dụ trường hợp phụ nữ Giáy lấy chồng người Kinh, thay vì thách cưới bằng tiền mặt như phong tục người Giáy trước đây, cha mẹ cô dâu đồng ý nhận “tráp lễ” từ gia đình chú rể (PVS. chị Lục Thị N, sinh năm 1990, người Giáy lấy chồng Kinh, thôn Coóc Cài). Cha mẹ người Giáy không cảm thấy e ngại đối với những khác biệt văn hóa khi có con dâu dân tộc khác sống cùng. Họ không phản đối con trai lấy vợ dân tộc khác, nhưng truyền thống tộc người quan niệm rằng các con trai phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ, vì thế nếu con trai lấy vợ xa và ở xa thì khi cha mẹ già yếu, phải cố gắng tìm cách thể hiện trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Ở người Giáy, khi “lấy dâu” về, thế hệ cha mẹ vẫn quan niệm con gái lấy chồng phải “theo thói” nhà chồng, nếu con dâu không thông thạo phong tục, tập quán mẹ chồng sẽ dạy dỗ, bảo ban cho biết (PVS. chị Hoàng Thị Ch., sinh năm 1961, thôn Coóc Cài).

3.3. Tác động của lao động việc làm đến hôn nhân

Di cư lao động việc làm đã hình thành nên những cuộc hôn nhân giữa dân tộc khác với người Giáy khi họ đến xã Bản Qua làm ăn, xây dựng kinh tế. Họ cho rằng, khi đến nơi mới xây dựng cuộc sống, nếu gặp được người phù hợp thì sẽ kết hôn, không phân biệt dân tộc. Kết hôn với người địa phương cũng tạo sự thuận lợi cho những người di cư đến hiểu biết về phong tục, lối sống và văn hóa nhanh chóng hơn để bắt kịp với nhịp sống mới và có thể “thừa hưởng” nhiều mối quan hệ “sẵn có” bên nhà vợ/chồng ở đây, thậm chí là cả tài sản (PVS. Hoàng Hoa T., sinh năm 1982, dân tộc Kinh, người Phú Thọ lấy vợ người Giáy ở thôn Coóc Cài, hiện đang sinh sống tại nhà bố mẹ vợ). Rõ ràng, mặt tích cực của quan hệ giữa các tộc người và các cuộc hôn nhân hỗn hợp đã góp phần thu hẹp khoảng cách và cải thiện hơn tình trạng định kiến giữa các tộc người.

Ngoài kết hôn với các dân tộc tại địa phương, hiện tượng kết hôn với dân tộc khác khi đi làm ở nơi xa cũng khá phổ biến. Theo cán bộ xã Bản Qua cho biết, trong vài năm trở lại đây có đến 90% số người đi làm ăn xa kết hôn với người dân tộc khác hoặc kết hôn tại nơi

họ làm việc. Các trường hợp hôn nhân khác tộc người thường xảy ra ở nữ giới trong độ tuổi lao động 18 - 30 tuổi, đây cũng là độ tuổi mà việc kết hôn có khả năng diễn ra dễ dàng, nhanh chóng hơn. Nữ giới - những người không thuộc nhóm thừa kế thường có xu hướng đi ra ngoài, tách biệt khỏi gia đình, trở thành lực lượng nhân công mới cho địa phương khác. Do đó, hôn nhân khác tộc người xảy ra mạnh mẽ hơn ở nhóm người này.

Có một lực lượng lao động lớn của xã Bản Qua đã và đang di cư đến các thành phố công nghiệp như Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình, Hải Dương. Tại những nơi mới này, họ có cơ hội gặp gỡ, tìm hiểu và kết hôn với các đối tượng khác dân tộc và khác địa bàn xuất thân. Hai con gái của bà Hoàng Thị Ch., sinh năm 1961 ở thôn Coóc Cài đều lấy chồng xa: người con gái thứ hai quen biết rồi cưới chồng người Kinh ở Mường Khương khi đi làm công nhân tại nhà máy giày da tại Hải Dương; người con gái thứ ba lấy chồng người Kinh ở thị trấn Bát Xát khi đi làm thuê bán quần áo ở đó. Dù mong con lấy chồng gần nhà để tiện thăm hỏi nhau, nhưng vợ chồng bà Ch. cũng quan niệm là con cái đã lớn biết tự lựa chọn người bạn đời, nếu nên duyên với dân tộc khác thì bà cũng không cản.

4. Một số vấn đề đặt ra

Hôn nhân hỗn hợp dân tộc là một xu hướng diễn ra của xã hội phát triển và hội nhập văn hóa mạnh mẽ. Sức hút từ những địa bàn sinh kế mới đưa đến những lựa chọn đa dạng để mỗi cá nhân khẳng định vị thế của mình trong xã hội và tìm hiểu để đi đến hôn nhân với những đối tượng họ cho là phù hợp nhất trong điều kiện hiện tại. Tuy nhiên xu hướng hôn nhân hỗn hợp dân tộc cũng đặt ra những vấn đề rất cần được các nhà khoa học và hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu.

Thứ nhất, những trở ngại về sự khác biệt trong văn hóa. Mặc dù kết quả phỏng vấn cho thấy, những người được hỏi đều cho rằng khi quyết định kết hôn, họ nghĩ mình có thể dung hòa được các mối quan hệ để sự khác biệt văn hóa không làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Song trong đời sống hàng ngày, sự bất đồng ngôn ngữ đôi khi vẫn xảy ra do một số ít cao niên người Giáy không thông thạo tiếng phổ thông nên không thể giao tiếp với con dâu, con rể trong sinh hoạt hàng ngày. Do đó, dẫn đến sự không thấu hiểu, ảnh hưởng đến tình cảm dành cho nhau. Với chế độ gia đình phụ quyền, người phụ nữ dân tộc khác từ xa mới đến làm dâu người Giáy dễ rơi vào tình trạng cô đơn, thiếu sự cảm thông từ chồng và gia đình chồng khi chưa thông thạo những phép tắc, tập tục của người Giáy, họ có thể bị chê trách thay vì được động viên. Ngoài ra, việc kết hôn khác dân tộc, chuyển cư về nơi mới gây ra sự mất mát đáng kể về các mối quan hệ của các nàng dâu, bởi họ hầu như không có bạn bè, người thân ở gần và sẽ phải tự mình hình thành các mối quan hệ mới sau hôn nhân. Sinh sống trong gia đình lớn, từ ba thế hệ trở lên có thể gây ra những xung đột ở việc nuôi dạy con cái giữa thế hệ ông bà và cha mẹ. Bởi khác dân tộc sẽ khác biệt về phong tục và quan niệm nuôi dạy con cái, trong khi thế hệ trẻ ngày nay đã khá độc lập về lối sống của mình. Việc phải “nhập gia tùy tục”, tuân theo lễ thói nhà chồng, phần nào đó làm suy yếu vốn văn hóa dân tộc gốc của các cô dâu, vì họ chỉ là các cá thể đơn lẻ sống trong cộng đồng dân tộc khác. Vì thế,

việc lựa chọn văn hóa nào để tiếp tục phát triển của cặp đôi hôn nhân hỗn hợp, cần được cùng chia sẻ và đồng cảm với nhau. Có như vậy, mối quan hệ gia đình mới trở nên bền chặt, gắn bó nhằm định hướng xây dựng các gia đình hỗn hợp dân tộc thống nhất trong đa dạng.

Thứ hai, việc hình thành ngày càng nhiều các gia đình hạt nhân ở người Giáy đã dần làm suy yếu mối quan hệ trao truyền văn hóa giữa các thế hệ. Khi các cặp hôn nhân hỗn hợp người Giáy tách ra ở riêng, việc dạy cho con cháu những nếp sống, phong tục tập quán của người Giáy cũng bị hạn chế, thiếu tính liên tục. Hiện nay, các cặp hôn nhân này chủ yếu giao tiếp bằng tiếng phổ thông do không cùng ngôn ngữ mẹ đẻ: *“ở gia đình hỗn hợp dân tộc, với những cô cháu dân tộc khác (không phải người Kinh), thậm chí họ còn hát ru con bằng những bài hát của dân tộc Kinh thông qua việc học những bài hát này trên internet”* (PVS. chị Chảo Tả M., sinh năm 2000, người Dao xã Phìn Ngạn lấy chồng dân tộc Giáy thôn Bản Vền). Vì thế, nếu không sống chung với cha mẹ chồng, thế hệ kế cận là con cháu của người Giáy sẽ ít được trao đổi thông tin bằng tiếng Giáy trong sinh hoạt hàng ngày. Ở cộng đồng người Giáy, những năm gần đây, ca dao, tục ngữ hay những điệu hát dân ca đang dần trở nên mai một, phần lớn là do lớp thanh niên người Giáy dần mất đi sự mặn mà với vốn văn hoá truyền thống của dân tộc. Bên cạnh đó, ở gia đình hỗn hợp, việc trao truyền vốn văn hoá này càng trở nên khó khăn khi thế hệ cháu, rể và cháu chắt người Giáy không biết nói ngôn ngữ của tộc người này. Thậm chí, *“Bây giờ, đa số trẻ em người Giáy, nhất là những trẻ ở độ tuổi mầm non và tiểu học không còn biết nói tiếng dân tộc mình, do khi ở nhà cha mẹ nói tiếng phổ thông, đến lớp các em cũng học bằng tiếng phổ thông”* (PVS. Lò A Tr., sinh năm 1986, thôn Bản Vền). Vì thế, các cấp chính quyền cần tổ chức ngày càng nhiều các buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng nhằm truyền bá phong tục tập quán dân tộc, đồng thời mở thêm những lớp dạy tiếng dân tộc để trẻ em và các thế hệ người Giáy có cơ hội, môi trường để học tập và luyện tập ngôn ngữ của dân tộc mình. Vấn đề mai một ngôn ngữ dân tộc là một “mặt trái” của hôn nhân hỗn hợp dân tộc trong việc bảo tồn văn hóa tộc người. Đó không phải và vấn đề riêng ở người Giáy mà đang là xu hướng ở nhiều tộc người, đang rất cần sự quan tâm tháo gỡ từ chính sách của Nhà nước.

Thứ ba, sự dịch chuyển đến các thành phố, khu công nghiệp để tìm việc làm, rồi kết hôn với những người khác ở nơi sinh sống mới khiến cho nhóm lao động này ít có điều kiện quay trở lại nơi sinh ra. Điều đó không chỉ ở nữ giới đi lấy chồng xa, mà số nam người Giáy cũng tăng lên bởi nam giới cũng đang trong độ tuổi kết hôn đi làm ăn xa, đi học tại các tỉnh thành là khá nhiều. Vì thế, mối quan hệ thân tộc, cộng đồng láng giềng dần bị mờ nhạt, những phong tục dân tộc ít có môi trường để trao đổi, thực hành, trao truyền cho thế hệ sau. Hơn nữa, “mặt trái” vấn đề này còn ở chỗ: không ít cá nhân đó mang về quê hương những yếu tố văn hóa không phù hợp mà các cao niên gọi là “thói hư tật xấu”, thậm chí là tệ nạn xã hội, lối ứng xử thiếu chuẩn mực... làm mất đi hình ảnh giản dị, hiền hậu của người Giáy (trang phục không kín đáo, thanh niên nhuộm tóc xanh đỏ, thậm chí cò bạc và cá độ...). Bản Qua nằm ở địa bàn không xa Hà Khẩu sầm uất, người Giáy ở đây làm việc rất nhiều tại các

gian hàng của chủ người Việt Nam và người Trung Quốc, những văn hóa “hỗn hợp” chỉ tính riêng từ chợ biên giới đưa về quê đã là thách thức lớn cho việc bảo tồn văn hóa truyền thống. Vì thế, để giải quyết vấn đề này, các cấp chính quyền cần quan tâm hơn nữa trong việc nâng cao ý thức tộc người, truyền tải văn hóa dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là xây dựng một kênh truyền thông riêng để giới thiệu, truyền bá văn hóa tộc người, giúp cho những người con ở phương xa có thể theo dõi và học tập, định hướng nghề nghiệp một cách rõ ràng và phù hợp.

Kết luận

Qua diễn giải về quan niệm hôn nhân truyền thống của người Giáy có thể thấy, hôn nhân nội tộc người tuy vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất hiện nay, song hôn nhân hỗn hợp dân tộc đang ngày càng phát triển, thể hiện sự hòa nhập nhiều yếu tố mang tính hiện đại trong hôn nhân - gia đình của tộc người. Hiện tượng này đã và đang tạo đà cho xu hướng hình thành nhiều hơn các gia đình hạt nhân thay cho loại hình gia đình mở rộng ở người Giáy nhưng vẫn không tách biệt khỏi mối quan hệ gia đình, dòng họ, lịch sử, văn hóa tộc người. Hôn nhân hỗn hợp cũng là một trong những kết quả của quá trình sống xen cài giữa các tộc người, sự chuyển đổi cơ cấu việc làm, di cư lao động và phát triển trình độ giáo dục.

Tuy nhiên, hôn nhân hỗn hợp của người Giáy ở xã Bản Qua đang đặt ra một số vấn đề về sự lỏng lẻo trong kết nối mối quan hệ gia đình, tộc người, sự suy yếu trong bảo lưu văn hóa dân tộc. Để đảm bảo phát triển bền vững truyền thống gia đình và sự ổn định đời sống tộc người, Nhà nước và các cấp chính quyền cần tạo thêm việc làm mang tính bền vững ở địa phương để thu hút nhiều hơn lực lượng lao động tại chỗ, đồng thời tích cực tuyên truyền về văn hóa tộc người bằng nhiều hình thức trực tiếp, gián tiếp. Mỗi cá nhân cũng cần nâng cao hơn nữa ý thức tự giác tộc người, ý thức xây dựng và bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc trong xây dựng hôn nhân khác dân tộc gắn với sự phát triển chung của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Lò Văn Chiến (2015), “Hát dân ca - sinh hoạt văn hóa Giáy cần được bảo tồn”, trong: *Cộng đồng Thái - Kàđai Việt Nam những vấn đề phát triển bền vững*, Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ VII, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Haviland, A., William A., Prins, Harald E.L., McBride, Bunny, Walrath, Dana (2011), *Cultural Anthropology: The Human Challenge* (13), Cengage Learning.
3. Lục Mạnh Hùng (2013), *Hôn nhân của người Giáy ở xã Đồng Thanh, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
4. Đỗ Đức Lợi (2008), *Văn hóa dân tộc Giáy*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Martine Segalen (2014), *Xã hội học gia đình*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

6. Lò Ngân Sủn (1998), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa người Giáy*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

7. Nông Trung (2014), “Dân tộc Giáy”, trong Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung năm 2014), Nxb. Khoa học xã hội.

8. Ủy ban nhân dân xã Bản Qua (2021), *Báo cáo đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động kinh tế xã hội của xã Bản Qua giai đoạn 2016 - 2021*, ngày 28/11/2021.

9. Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát (2021), *Báo cáo số liệu phục vụ đoàn công tác Viện Dân tộc học*, tháng 4/2021.



Người Giáy ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Hoàng Phương Mai, chụp tháng 4/2022